

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Hữu Vị

2/ Ông Đặng Tiến Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái V, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Q, xã P, huyện S, Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thái V vào ngày 23/6/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và ở chung cùng anh V ngay, chung sống với gia đình anh V được thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống và phát triển kinh tế, anh V tự ý làm kinh tế không bàn bạc với chị dẫn đến thua lỗ, nợ nần nên vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2024, chị về nhà bố, mẹ để chị ở thôn N, xã P, huyện S sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân chị và anh V nhiều lần gặp gỡ, gọi điện thoại để hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng với anh V nên chị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Huy K, sinh ngày 17/12/2012; Nguyễn Thu H1, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 06/4/2023. Hiện nay cháu K, cháu H1 đang ở với anh V; cháu N ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu N; để anh V trực tiếp nuôi cháu K và cháu H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Hơn nữa, chị đang làm nghề tự do, công việc và thu nhập không ổn định; anh V làm công nhân Bộ Q, thu nhập hơn 10.000.000đ/tháng, có nhà đất ổn định, đủ điều kiện để nuôi 2 con nên chị không phải đóng góp gì cho anh V để nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thái V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh V trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh đề nghị xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Huy K, sinh ngày 17/12/2012; Nguyễn Thu H1, sinh ngày 13/11/2019 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 06/4/2023. Vì anh xin đoàn tụ nên không có quan điểm giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H.

Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thái V.

Về nuôi con chung: Giao chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Đức N, sinh ngày 06/4/2023; giao cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy K, sinh ngày 17/12/2012; Nguyễn Thu H1, sinh ngày 13/11/2019 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thái V có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thái V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Thái V là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hoà thuận, hạnh phúc nhưng sau đó do vợ chồng không bảo ban được nhau, tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng có thời gian sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn, anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị được đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh V đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh V cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, vợ chồng anh không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ nên việc anh V xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung:

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau, nhưng để đảm bảo quyền lợi của cả hai bên cha, mẹ, cũng như đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc của các con chung cũng như nguyện vọng của các cháu (cháu K, cháu H1 có nguyện vọng được ở cùng anh V), còn cháu N đang ở cùng chị H (cháu N còn rất nhỏ tuổi, dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu H1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc giao cho anh V trực tiếp nuôi 02 con chung: Anh V không có quan điểm gì về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên khi nào anh V có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh V không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thái V.

[2] Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức N sinh ngày 06/4/2023.

Giao cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huy K, sinh ngày 17/12/2012 và cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 13/11/2015.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị H, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001011 ngày 04/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Phương Khoan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga